TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25/8/2023
V/v ly hôn giữa chị B và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Thanh Tuyến

Ông Lê Văn Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 301/2023/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Lê Thị Ngọc B**, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1994;

Nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Chị B và anh T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản làm việc trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc B trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào

ngày 06/5/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh chị còn trẻ, có nhiều bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng vì lo cho con mà cố gắng chung sống và khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Đến năm 2022, chị với anh T cùng có đơn yêu cầu ly hôn nhưng sau đó chị đã rút lại đơn ly hôn để vợ chồng có thêm thời gian suy nghĩ. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn không hàn gắn được nên cả hai đã sống ly thân từ tháng 4/2023 đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Chị và anh T đều có công việc và thu nhập ổn định nên không yêu cầu Tòa án xem xét đến việc cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2016, từ khi vợ chồng ly thân thì chị là người trực tiếp nuôi con chung. Do cháu K sức khỏe không tốt, rất dễ bị bệnh nên chị phải ở nhà chăm cháu, chị là người trực tiếp nuôi con. Chị và anh T tuy ly thân nhưng cả hai vẫn cùng nhau lo cho con. Ban ngày, anh T đi làm nhưng tối về thì anh T thường rước cháu K về ngủ cùng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị bận công việc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, hồ sơ khởi kiện photo theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh T.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ theo quy định của pháp luật; riêng bị đơn không tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh T kéo dài đã nhiều năm nhưng anh chị không tự khắc phục được. Trong suốt quá trình tố tụng, anh T vắng mặt; điều đó cho thấy anh T không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh T đã trầm trọng, hôn nhân có kéo dài

cũng không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bích theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung, có 01 con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2016, chị Bích yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy, từ khi chị B và anh T ly thân thì chị Bích là người trực tiếp nuôi con chung; để đảm bảo không làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của con chung nên đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu của chị Bích, giao con chung cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng; ghi nhận việc chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị B không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa án ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa chị Lê Thị Ngọc B và anh Nguyễn Thanh T là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn anh T đang cư trú tại xã H, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn anh T vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành lập biên bản không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh T vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2; chị B có đơn xin vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị B và anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc B và anh Nguyễn Thanh T kết hôn vào năm 2016, hôn nhân do anh chị tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre ngày 06/5/2016 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Chị B xác định, trong thời gian vợ chồng chung sống anh chị có bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau; mâu thuẫn kéo dài đã nhiều năm, vợ chồng đã nhiều lần bàn bạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Đến nay, chị B xác định quan hệ hôn nhân giữa chị và anh T không thể kéo dài nên cương quyết xin ly hôn. Xét lời khai của chị B phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không tham gia phiên hòa giải; điều đó cho thấy, anh T không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Từ đó có cơ sở để xác định, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được, nếu duy trì tình trạng này sẽ ảnh hưởng đến đời sống bình thường của các thành viên trong gia đình nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B.

[3] Về con chung: Chị B và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2016 (Theo Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã H, huyện Giồng Trôm cấp số 182 ngày 09/11/2016). Chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay chị B là người trực tiếp nuôi con chung; anh T không có yêu cầu gì về con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung và không làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của con, Hội đồng xét xử giao cho chị B được trực tiếp nuôi cháu K là phù hợp theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị B khai chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, anh T vắng mặt trong quá trình tố tụng, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T về phần tài sản chung và nợ chung. Do đó, Tòa án không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[5] Về án phí: Chị B phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Ngọc B ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2016 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận việc chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ

chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005987 ngày 21/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Đương sự đã nộp đủ án phí.

Chị B và anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã H, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Ngọc Huyền